

Số: **124/2019/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 125/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 124A/16, đường Đô Lương, phường 11, thành phố V, tỉnh B.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh T;

Nơi ở: Số nhà 02, gác 21, ngõ 113, đường Trường Chinh, tổ 1, phường L, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Văn T và chị Vũ Thị Thu H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh K, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2012 cho chị Vũ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng; phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu Hoàng Minh Khang đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn T tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000382, ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Vũ Thị Thu H không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường Ý La;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

